Chi tiết mã HS 6302

Mã HS	6302
Mô tả hàng hóa	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp
Đơn vị	
Thời điểm tạo	30/10/2026 23:25:57
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/6302/

20 dòng thuế thuộc 6302

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
6302.10.00	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp / - Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), dệt kim hoặc móc	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6302.21.00	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp / - Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen) khác, đã in: / - - Từ bông	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6302.22.10	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp / - Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen) khác, đã in: / - - Từ sợi nhân tạo: / - - - Vải không dệt	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6302.22.90	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp / - Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen) khác, đã in: / - - Từ sợi nhân tạo: / - - - Loại khác	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6302.29.00	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp / - Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen) khác, đã in: / - - Từ các vật liệu dệt khác	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6302.31.00	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp / - Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen) khác: / - - Từ bông	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6302.32.10	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp / - Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen) khác: / - - Từ sợi nhân tạo: / - - - Vải không dệt	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6302.32.90	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp / - Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen) khác: / - - Từ sợi nhân tạo: / - - - Loại khác	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
6302.39.00	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp / - Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen) khác: / - - Từ các vật liệu dệt khác	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6302.40.00	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp / - Khăn trải bàn, dệt kim hoặc móc	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6302.51.10	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp / - Khăn trải bàn khác: / - - Từ bông: / - - - Được in bằng phương pháp batik truyền thống (SEN)	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6302.51.90	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp / - Khăn trải bàn khác: / - - Từ bông: / - - - Loại khác	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6302.53.00	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp / - Khăn trải bàn khác: / - - Từ sợi nhân tạo	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6302.59.10	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp / - Khăn trải bàn khác: / - - Từ các vật liệu dệt khác: / - - - Từ lanh	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6302.59.90	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp / - Khăn trải bàn khác: / - - Từ các vật liệu dệt khác: / - - - Loại khác	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6302.60.00	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp / - Khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp, từ vải dệt vòng lông hoặc các loại vải dệt vòng lông tương tự, từ bông	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6302.91.00	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp / - Loại khác: / - - Từ bông	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6302.93.00	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp / - Loại khác: / - - Từ sợi nhân tạo	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6302.99.10	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp / - Loại khác: / - - Từ các vật liệu dệt khác: / - - - Từ lanh	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
6302.99.90	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp / - Loại khác: / - - Từ các vật liệu dệt khác: / - - - Loại khác	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.